SỞ Y TẾ THÁI BÌNH
TRUNG TÂM
KIỂM SOÁT BỆNH TẬT
Số: 121 /KSBT-NS

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Thái Bình, ngày 06 tháng 11 năm 2023

THÔNG BÁO
Kết quả giám sát ngoại kiểm chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt

I. Thông tin chung về cơ sở cấp nước:

- Tên đơn vị cấp nước: Công ty Hóa chất mỏ Thái Bình
- Địa chỉ: Thôn Hanh Lập, xã Thái Thọ, huyện Thái Thụy
- Công suất cung cấp tối đa cho xã: 1000m3/ngày đêm.
- Nguồn nước nguyên liệu *(ghi cụ thể)*: Nước mặt sông Thiên Kiều.
- Mô hình cấp nước hiện tại: Công ty hoá chất mỏ Thái Bình là đơn vị sản xuất nước sạch, Hợp tác xã dịch vụ Nông nghiệp xã Thái Thọ là đơn vị quản lý mạng đường ống cấp nước tới các hộ gia đình.

II. Kết quả thử nghiệm chất lượng nước:

1. Thông tin về mẫu thử nghiệm:

Ngày 18 tháng 10 năm 2023, Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh đã thực hiện hoạt động giám sát chất lượng nước (ngoại kiểm) 03 mẫu nước của Công Ty Hoá Chất Mỏ Thái Bình, cụ thể như sau:

- Mẫu số 01: Mẫu nước lấy tại vòi phát của cơ sở cấp nước
- Mẫu số 02: Mẫu nước lấy vòi trực tiếp tại hộ gia đình Ông Bùi Văn Bình - Thôn Thiên Kiền - Thái Thọ - Thái Thuỵ - Thái Bình.
- Mẫu số 03: Mẫu nước lấy vòi trực tiếp tại hộ gia đình Ông Đặng Xuân Giác - Thôn Hanh Lập - Thái Thọ - Thái Thụy - Thái Bình.

Mỗi mẫu thực hiện xét nghiệm 32 chỉ tiêu: 28 chỉ tiêu về hóa, lý và 04 chỉ tiêu về Vi sinh vật, kết quả cụ thể như sau:

2. Kết quả thử nghiệm *(Kết quả số: 1522/2023KQTN-XN ngày 31 tháng 10 năm 2023 của Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Thái Bình):*

a) Về chỉ tiêu hóa, lý:

TT	Chỉ tiêu thử nghiệm	PP thử nghiệm	Đơn vị	Kết quả			Giá trị giới hạn
				M1	M2	M3	
1.	Màu sắc (*)	SMEWW2120C:2017	TCU	< 2,0(a)	< 2,0(a)	< 2,0(a)	15
2.	Mùi vị	Cảm quan	-	Không có mùi,vị lạ	Không có mùi,vị lạ	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi vị lạ

TT	Chỉ tiêu thử nghiệm	PP thử nghiệm	Đơn vị	Kết quả			Giá trị giới hạn
				M1	M2	M3	
3.	Độ đục	TCVN 12402-2:2022	NTU	0,41	0,38	0,43	**2**
4.	Độ pH (*)	TCVN 6492 : 2011	-	7,11	7,21	7,09	**Trong khoảng 6,0-8,5**
5.	Hàm lượng Asen (As)(*)	SMEWW3114B:2017	mg/L	<0,65x10^{-3}(b)	<0,65x10^{-3}(b)	<0,65x10^{-3}(b)	**0,01**
6.	Hàm lượng Clo dư (*)	TCVN 6225-2:2021	mg/L	**<0,04(b)**	**<0,04(b)**	**<0,04(b)**	**Trong khoảng 0,2-1,0**
7.	Hàm lương Amoni (NH_3 và NH_4^+ tính theo N)(*)	TCVN 6179-1:1996	mg/L	<0,009(b)	<0,009(b)	<0,009(b)	**0,3**
8.	Hàm lượng Stibium(Sb)	SMEWW3113B:2017	mg/L	<2,0x10^{-3}(b)	<2,0x10^{-3}(b)	<2,0x10^{-3}(b)	**0,02**
9.	Hàm lượng Bari (Ba)	TCVN 6660 : 2000	mg/L	<0,15(b)	<0,15(b)	<0,15(b)	**0.7**
10.	Hàm lượng Cadimi(*)	SMEWW3113B:2017	mg/L	<0,33x10^{-3}(b)	<0,33x10^{-3}(b)	<0,33x10^{-3}(b)	**0,003**
11.	Chỉ số pecmanganat(*)	TCVN 6186 : 1996	mg/L	0,512	0,512	0,640	**2**
12.	Hàm lượng Clorua (*)	TCVN 6194:1996	mg/L	119	120	120	**250 (hoặc 300)**
13.	Hàm lượng Crom	SMEWW3113B:2017	mg/L	<0,67x10^{-3}(b)	<0,67x10^{-3}(b)	<0,67x10^{-3}(b)	**0,05**
14.	Hàm lượng Đồng(*)	SMEWW3111B:2017	mg/L	<0,03(b)	<0,03(b)	<0,03(b)	**1**
15.	Độ cứng (tính theo $CaCO_3$) (*)	TCVN 6224:1996	mg/L	112	110	112	**300**
16.	Hàm lượng Kẽm	SMEWW3111B:2017	mg/L	<0,03(b)	<0,03(b)	<0,03(b)	**2**
17.	Hàm lượng Mangan tổng số(*)	SMEWW3111B:2017	mg/L	<0,03(b)	<0,03(b)	<0,03(b)	**0,1**
18.	Hàm lượng Natri(*)	TCVN 6660 : 2000	mg/L	68,8	69,3	63,9	**200**
19.	Hàm lượng Nitrat(NO_3^- tính theo N) (*)	TCVN 6180 : 1996	mg/L	0,374	0,371	0,376	**2**
20.	Hàm lượng Nitrit (NO_2^- tính theo N) (*)	TCVN 6178 : 1996	mg/L	<0,012(a)	<0,012(a)	<0,012(a)	**0,05**

TT	Chỉ tiêu thử nghiệm	PP thử nghiệm	Đơn vị	Kết quả			Giá trị giới hạn
				M1	M2	M3	
21.	Hàm lượng Sắt (tổng số) (*)	TCVN 6177 : 1996	mg/L	<0,1[a]	<0,1[a]	<0,1[a]	**0,3**
22.	Hàm lượng Sulphate (*)	EPA.375.4	mg/L	32,4	32,9	32,9	**250**
23.	Hàm lượng Thủy ngân (Hg)	SMEWW3112B:2017	mg/L	<0,3x10^{-3}[b]	<0,3x10^{-3}[b]	<0,3x10^{-3}[b]	**0,001**
24.	Tổng chất rắn hòa tan	SMEWW2540C:2017	mg/L	396	400	400	**1000**
25.	Hàm lượng Chì (Pb)	SMEWW3113B:2017	mg/L	<1,6x10^{-3}[b]	<1,6x10^{-3}[b]	<1,6x10^{-3}[b]	**0,01**
26.	Hàm lượng Niken	SMEWW3111B:2017	mg/L	<0,02[b]	<0,02[b]	<0,02[b]	**0,07**
27.	Hàm lượng Selen	SMEWW3114B:2017	mg/L	<0,002[b]	<0,002[b]	<0,002[b]	**0,01**
28.	Hàm lượng Florua	SMEWW4500D:2017	mg/L	<0,3[a]	<0,3[a]	<0,3[a]	**1,5**

b) Chỉ tiêu vi sinh:

TT	Chỉ tiêu thử nghiệm	PP thử nghiệm	Đơn vị	Kết quả			Giá trị giới hạn
				M1	M2	M3	
1.	Coliform(*)	TCVN6187-1:2009	CFU/100ml	KPH	**5,2 x 10^{1}**	KPH	**<3**
2.	E.coli(*)	TCVN6187-1:2009	CFU/100ml	KPH	KPH	KPH	**<1**
3.	S. aureus	SMEWW 9213B	CFU/100ml	KPH	KPH	KPH	**<1**
4.	P. aeruginosa(*)	TCVN 8881 : 2011	CFU/100ml	**02**	**3,6 x 10^{1}**	**02**	**<1**

Ghi chú: KPH - Không phát hiện

(a): Giá trị giới hạn định lượng của phương pháp thử (LOQ)

(b): Giá trị giới hạn phát hiện của phương pháp thử (LOD)

Giới hạn phát hiện của phương pháp thử E.coli, Coliform: LOD $_{E.coli, Coliform}$: 01CFU /100ml

III. Nhận xét

1. Về kết quả xét nghiệm các chỉ tiêu Hóa, Lý:

- Mẫu số 1, 2, 3: Có 27/28 chỉ tiêu đạt tiêu chuẩn cho phép, chỉ tiêu không đạt tiêu chuẩn cho phép cần khắc phục gồm: Hàm lượng Clo dư tự do.

2. Về kết quả xét nghiệm các chỉ tiêu Vi sinh vật:

- Mẫu số 01, 03: Có 3/4 chỉ tiêu đạt tiêu chuẩn cho phép, chỉ tiêu không đạt tiêu chuẩn cho phép cần khắc phục gồm: chỉ tiêu P.aeruginosa.

- Mẫu số 02: Có 2/4 chỉ tiêu đạt tiêu chuẩn cho phép, chỉ tiêu không đạt tiêu chuẩn cho phép cần khắc phục gồm: chỉ tiêu Coliform và P.aeruginosa.

IV. Kiến nghị

1. Công ty hóa chất mỏ Thái Bình, UBND xã Thái Thọ:

Qua kết quả xét nghiệm 4 mẫu nước trên, đề nghị:

- Công ty Hoá chất mỏ Thái Bình rà soát, kiểm tra lại ngay các hệ thống khử trùng hệ thống cấp nước, điều chỉnh hàm lượng Clo, khắc phục chỉ tiêu chưa đạt tiêu chuẩn,

- UBND xã Thái Thọ chỉ đạo HTX dịch vụ Nông nghiệp xã đảm bảo an toàn hệ thống truyền tải nước nhằm đảm bảo chất lượng nước cấp tới các hộ gia đình.

- Công ty và HTX phối hợp để khắc phục và thực hiện việc xét nghiệm lại các chỉ tiêu chưa đạt tiêu chuẩn nhằm cung cấp nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt, báo cáo hành động khắc phục về các cơ quan chức năng theo quy định.

- Tiếp tục thực hiện các nội dung:

+ Theo dõi chặt chẽ (hàng ngày theo các ca trực) các chỉ tiêu dễ biến động khác như: Độ đục, hàm lượng Clo dư tự do... để có kế hoạch xử lý, điều chỉnh lượng hóa chất cho phù hợp.

+ Thực hiện việc xét nghiệm các chỉ tiêu theo quy định tại thông tư số 41/2018/TT-BYT và Quyết định số 18/QĐ-UBND, ngày 20/10/2023 của UBND tỉnh Thái Bình, Quyết định ban hành Quy chuẩn kỹ thuật địa phương về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Thái Bình.

+ Khi có kết quả xét nghiệm cần thực hiện công khai kết quả theo quy định hiện hành.

+ Khi có dấu hiệu bất thường về chất lượng nước cần thông báo ngay cho người dân và các cơ quan chức năng để phối hợp giải quyết.

2. Đề nghị các ngành chức năng và chính quyền địa phương:

- Giám sát việc cải thiện, khắc phục các chỉ số chưa đạt mà cơ quan chuyên môn đã nêu trên;

- Thường xuyên nắm bắt thông tin phản ánh của người dân và dư luận để kịp thời phối hợp kiểm tra, giám sát chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt của đơn vị sản xuất và truyền tải nước.

Trung tâm Kiểm soát bệnh tật trân trọng thông báo./.

Nơi nhận:
- Sở Y tế;
- Sở Nông Nghiệp&PTNT;
- UBND huyện Thái Thụy;
- UBND xã Thái Thọ;
- Công ty Hóa chất mỏ Thái Bình;
- Ttrung tâm Y tế Thái Thụy;
- Lưu VT, SKMT.

KT.GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT T.THÁI BÌNH

Lê Thị Hồng Nhung